

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày: 17-3-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp;

2- Bà Thị Amina.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-DS ngày 03-02-2020 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ 13, ấp A, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn:

1/ Ông Đặng Huy Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 4, ấp C, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Cây cày. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

2/ Bà Đàm Thị N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 4, ấp C, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-12-2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 21-11-2016, bà T cho vợ chồng ông Đ, bà N vay tiền số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng; ngày 23-11-2016 cho vay tiếp 2.000.000 đồng; hẹn khi vay được tiền ở ngân hàng sẽ trả, khi vay thỏa thuận tiền lãi theo

mức lãi suất 3%/tháng, viết giấy vay tiền trên mẫu in sẵn ông Đ, bà N ký tên; ông Đ, bà N đã vay được tiền ngân hàng nhưng chưa trả tiền gốc, tiền lãi; khi vay không thể chấp tài sản gì.

Ngày 26-02-2021, bà T rút một phần yêu cầu về tiền lãi số tiền 36.720.000 đồng.

Bà T yêu cầu ông Đ, bà N trả 102.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu trả tiền lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Huy Đ trình bày:

Do quen biết nhau, vợ chồng ông Đ, bà N vay của bà T số tiền 102.000.000 đồng làm hai lần: Lần thứ nhất 100.000.000 đồng, lần thứ hai 2.000.000 đồng; có viết giấy vay tiền bà N, ông Đ ký tên; thỏa thuận lãi suất 15%/tháng; hẹn khi nào vay tiền ngân hàng được sẽ trả cho bà T. Khi ông Đ, bà N vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tân Châu trả tiền cho bà T còn nợ 12.000.000 đồng tiền lãi nên bà T chưa trả giấy vay tiền. Ông Đ không có chứng cứ về việc trả tiền cho bà T. Hiện nay bà N ở đâu ông Đ không biết vì ông Đ và bà N đã ly hôn và ông Đ đã bị đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Cây Cầy từ ngày 13-01-2020. Ông Đ không đồng ý trả tiền cho bà T 102.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả 12.000.000 đồng tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự (bà T, ông Đ) chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bà N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do; ông Đ là bị đơn, bà T là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bà T, bà N, ông Đ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 146, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14** ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Đặng Huy Đ và bà Đàm Thị N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đặng Huy Đ và bà Đàm Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T tiền gốc 102.000.000 (một trăm lẻ hai triệu) đồng.

Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Đ, bà N trả tiền lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà T với số tiền lãi 36.720.000 đồng.

2/ Về án phí: Ông Đặng Huy Đ và bà Đàm Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nhung là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do; ông Đ là bị đơn, bà T là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bà T, bà N, ông Đ.

Về nội dung vụ án:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T: Ngày 21-11-2016, bà T cho vợ chồng ông Đ, bà N vay tiền số tiền 100.000.000 đồng; ngày 23-11-2016 cho vay tiếp 2.000.000 đồng; có viết giấy vay tiền. Bà T yêu cầu ông Đ, bà N trả số tiền gốc 102.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập và tổng đạt, niêm yết các giấy tờ, văn bản tố tụng nhưng bà Đàm Thị N vẫn cố tình vắng mặt. Ông Đ thừa nhận có vay tiền của bà T số tiền 102.000.000 đồng, chữ ký và viết tên trong giấy vay tiền ngày 21-11-2016 do ông Đ, bà N ký và viết tên. Nhưng ông Đ, bà N đã trả tiền cho bà T còn nợ 12.000.000 đồng tiền lãi nên bà T chưa trả giấy vay tiền. Ông Đ không có chứng cứ về việc trả tiền cho bà T. Căn cứ giấy nhận nợ ngày 21-11-2016 thể hiện ông Đ bà N vay của bà T số tiền 102.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ xác định ông Đ và bà N có vay tiền của bà T số tiền 102.000.000 đồng chưa trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông Đ, bà N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc 102.000.000 (một trăm lẻ hai triệu) đồng.

[3] Về tiền lãi: Ngày 26-02-2021, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi số tiền 36.720.000 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà T.

[4] Về án phí: Ông Đ, bà N phải chịu **5.100.000 (năm triệu một trăm ngàn)** đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 146, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14** ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Đặng Huy Đ, bà Đàm Thị N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đặng Huy Đ, bà Đàm Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T tiền gốc 102.000.000 (một trăm lẻ hai triệu) đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà T với số tiền lãi 36.720.000 (ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ, bà N chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đ, bà N phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Ông Đặng Huy Đ, bà Đàm Thị N phải chịu **5.100.000 (năm triệu một trăm ngàn)** đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị T **3.418.000 (ba triệu bốn trăm mười tám ngàn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000316** ngày 03-02-2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà Lê Thị T, ông Đặng Huy Đ và bà Đàm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ xét xử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thu